

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.
- Bà Đinh Thị Phương Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp về “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn D sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp HT, xã NTS, huyện HD, tỉnh KG; vắng mặt.
- Bị đơn:* Chị Tô Thị Hồng Th sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp HT, xã NTS, huyện HD, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đặng Văn D trình bày:

Anh và chị Tô Thị Hồng Th tự tìm hiểu và yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị đã tổ chức đám cưới vào năm 2013. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NTS vào ngày 19/6/2013. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị Th đã tự ý bỏ nhà và con cái đi đâu anh không biết. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, thường hay bất đồng quan điểm. Quá trình chung sống anh, chị có hai người con chung là Đặng Quốc N sinh ngày 04/09/2015 và Đặng Quốc

V sinh ngày 11/03/2018, các con hiện đang ở chung với anh. Về tài sản, nợ: không có.

Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tô Thị Hồng Th. Về con chung, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai đứa con chung, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tô Thị Hồng Th đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập chị Th đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị Th vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2022, cháu Đặng Quốc N trình bày có nguyện vọng được sống với cha khi cha, mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đặng Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tô Thị Hồng Th và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Chị Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã NTS, huyện HD, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Anh D, chị Th kết hôn vào năm 2013 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NTS, huyện HD, tỉnh KG vào ngày 19/6/2013 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh D xác định vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị Th đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2022 cho đến nay. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu

từ tháng 7/2022, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh D yêu cầu được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh chị có hai đứa con chung tên Đặng Quốc N sinh ngày 04/09/2015 và Đặng Quốc V sinh ngày 11/03/2018, các cháu đang ở chung với anh D. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh D hiện nay các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Cháu N cũng có nguyện vọng sống với cha khi cha, mẹ ly hôn để cha chăm sóc và đi học. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con của anh D là phù hợp nên được chấp nhận. Giao các cháu N,V cho anh Vũ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D có việc làm, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Anh D xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh chị có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đặng Văn D được ly hôn với anh Tô Thị Hồng Th.

2. Về nuôi con:

Giao các cháu Đặng Quốc N sinh ngày 04/09/2015 và Đặng Quốc V sinh ngày 11/03/2018 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004179 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Thái Sơn;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú